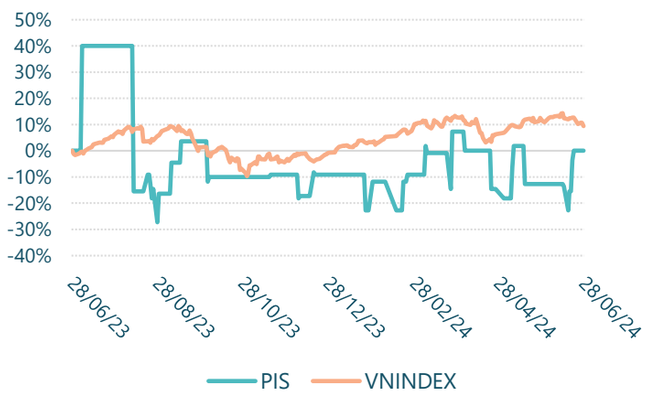
Tổng Công ty PISICO Bình Định - CTCP (UPCOM: PIS)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	11,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	14.6%	**-6.8%**	**10.0%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,000 - 15,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	303
Số lượng CPLH (CP)	27,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	90
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.56
EPS	1,358
P/E	8.1

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

154

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 67.7 | 78.6%

YoY: ▼16.0 | -9.3%

Nợ/VCSH

Q2/24

80.6%

YoY: +/-▲ 10.7%

LN gộp

Q2/24

21.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.90 | 58.2%

YoY: ▲ 3.10 | 16.9%

ROE (TTM)

Q2/24

10.7%

YoY: +/-▲ 0.3%

LN trước thuế

Q2/24

17.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.5 | 317%

YoY: ▲ 5.20 | 41.9%

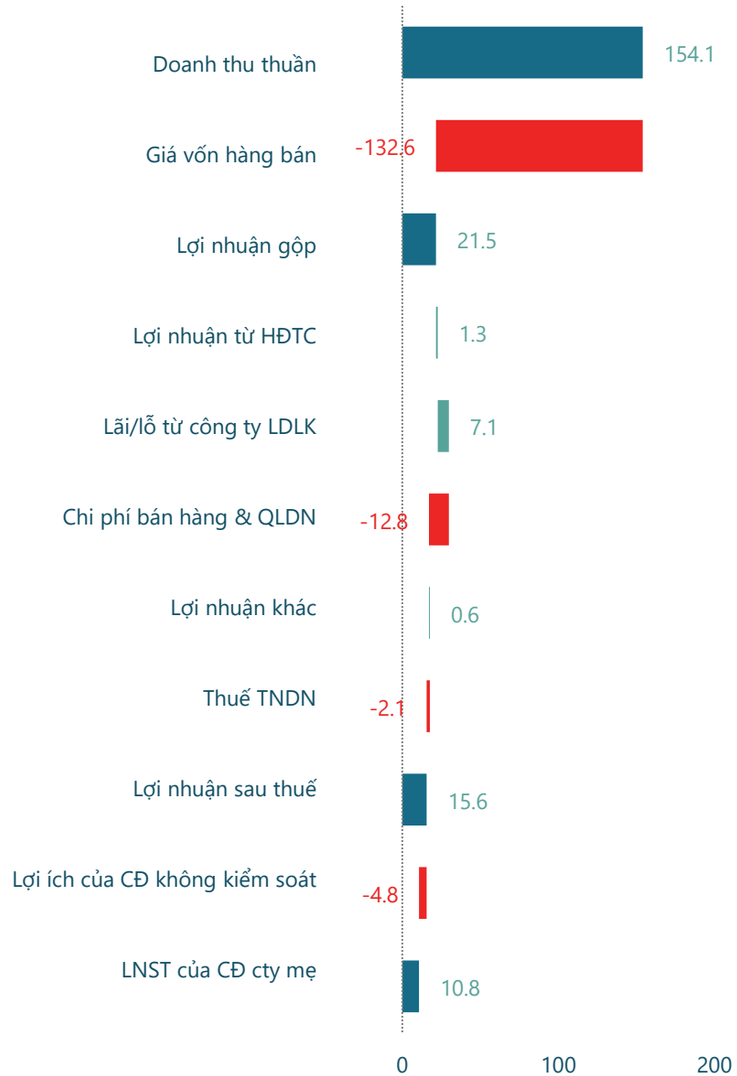
ROA (TTM)

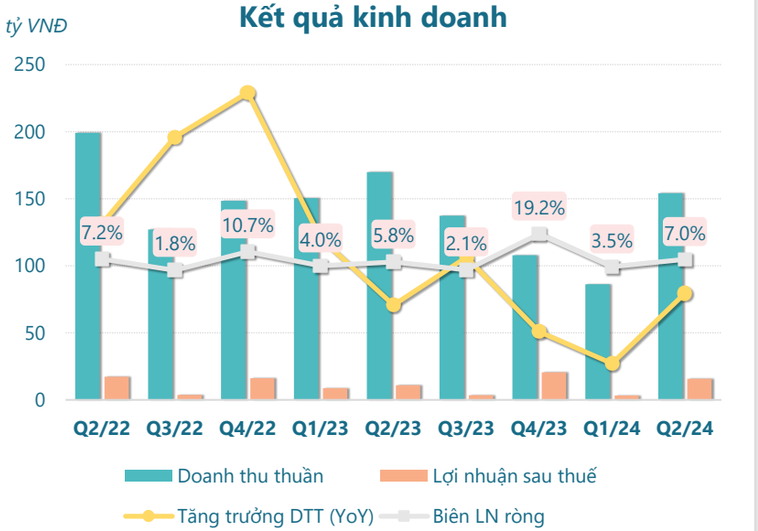
Q2/24

6.0%

YoY: +/-▼ 0.2%

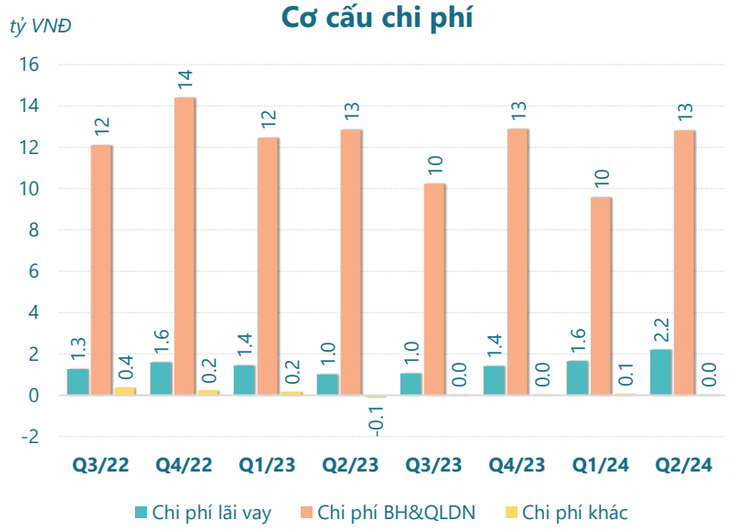
Kết quả kinh doanh Q2/24





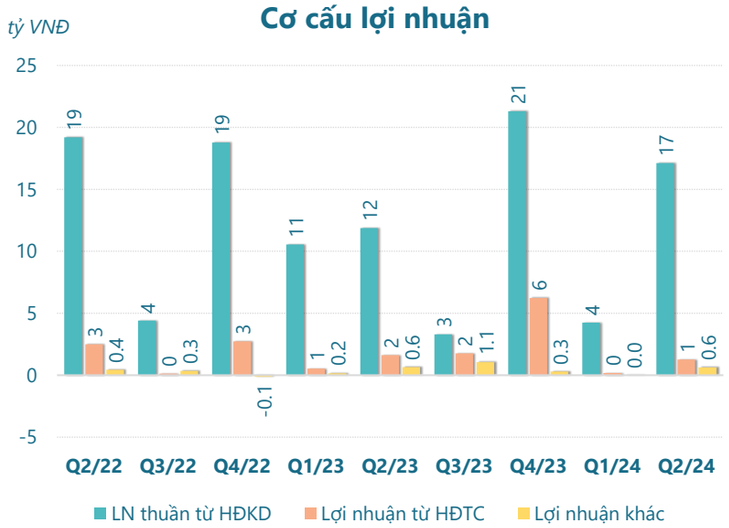
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 17.11 tỷ đồng**, tăng thêm 304% so với kỳ trước và cao hơn 44.1% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 1.26 tỷ đồng**, tăng thêm 641% so với kỳ trước và thấp hơn 22.2% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.62 tỷ đồng**, tăng thêm 6100% so với kỳ trước và thấp hơn 3.13% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **PIS** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **154.1 tỷ đồng** giảm đi **9.19%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 15.63 tỷ đồng**, **tăng trưởng 42.9%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **240.0 tỷ đồng** thấp hơn 25.0% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 19.00 tỷ đồng** thấp hơn 5.00% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **2.20 tỷ đồng** tăng thêm 34.1% so với kỳ trước và cao hơn 118% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **12.81 tỷ đồng** tăng thêm 33.7% so với kỳ trước và thấp hơn 0.31% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.03 tỷ đồng** giảm đi 50.0% so với kỳ trước và tăng thêm 0.11 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Tổng Công ty PISICO Bình Định - CTCP (UPCOM: PIS)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**154**	**86.3**	**78.6%**	**170**	**-9.3%**	**240**	**320**	**-24.9%**
Giá vốn hàng bán	133	72.6	82.7%	151	-12.2%	205	279	-26.5%
Lợi nhuận gộp	21.5	13.6	58.2%	18.4	16.9%	35.2	40.9	-14.0%
Doanh thu HĐTC	3.46	2.48	39.4%	3.06	13.0%	5.94	5.47	8.6%
Chi phí TC	2.20	2.31	-4.7%	1.44	52.8%	4.52	3.31	36.4%
Chi phí lãi vay	2.20	1.64	34.3%	1.01	118%	3.85	2.44	57.4%
LN trong công ty LKLD	**7.15**	**0.00**		**4.70**	**52.1%**	**7.15**	**4.70**	**52.2%**
Chi phí bán hàng	6.47	3.48	86.0%	6.00	7.9%	9.96	13.0	-23.2%
Chi phí QLDN	**6.33**	**6.09**	**4.0%**	**6.86**	**-7.7%**	**12.4**	**12.3**	**0.6%**
LN thuần từ HĐKD	17.1	4.24	304%	11.9	43.8%	21.3	22.4	-4.8%
Lợi nhuận khác	**0.62**	**0.01**	**6103%**	**0.64**	**-3.1%**	**0.63**	**0.81**	**-21.3%**
LN trước thuế	17.7	4.25	317%	12.5	41.9%	22.0	23.2	-5.4%
Lợi nhuận sau thuế	**15.6**	**3.33**	**369%**	**10.9**	**43.4%**	**19.0**	**19.6**	**-3.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.8**	**3.02**	**257%**	**9.76**	**10.6%**	**13.8**	**15.7**	**-12.2%**

